

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: **3518** /TCHQ-QLRR

V/v hướng dẫn nội dung thông tin quản lý rủi ro trên chức năng xử lý tờ khai hải quan (NA02A) hệ thống VCIS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2014

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Tổng cục Hải quan nhận được phản ánh của một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố về khó khăn trong việc nhận biết ký hiệu của thông tin quản lý rủi ro hiển thị trên chức năng xử lý tờ khai (NA02A) trên hệ thống VCIS; để thống nhất trong việc triển khai thực hiện, Tổng cục Hải quan hướng dẫn như sau:

1. Thông tin quản lý rủi ro hiển thị trên chức năng xử lý tờ khai:

a) Về phương pháp lựa chọn kiểm tra:

- Hệ thống VCIS ứng dụng 20 Phương pháp lựa chọn kiểm tra (Phương pháp xử lý) được chi tiết Phụ lục 1 (đính kèm); trong đó đơn vị Quản lý rủi ro cấp Cục Hải quan và Chi cục Hải quan được lựa chọn áp dụng các phương pháp theo hướng dẫn tại cột số 4;

- Cột phương pháp xử lý trên tờ khai hải quan (điểm đánh dấu số 11 trên Phụ lục 2 đính kèm): là các phương pháp xử lý được lựa chọn theo tiêu chí áp dụng trên hệ thống VCIS đối với tờ khai hải quan;

- Phương pháp xử lý sau cùng (điểm đánh dấu số 1 trên Phụ lục 2 đính kèm): là Phương pháp xử lý được lựa chọn để phân luồng đối với tờ khai hải quan.

b) Phân luồng (điểm đánh dấu số 2 trên Phụ lục 2): hiển thị luồng kiểm tra của tờ khai hải quan.

c) Hạng và Phương pháp xử lý tương ứng với Hạng của người XK/NK:

- Tại điểm đánh dấu số 3 trên Phụ lục 2 là hạng của doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu (thuộc 1 trong 07 hạng được hệ thống đánh giá xếp hạng);

- Tại điểm đánh dấu số 4 trên Phụ lục 2 là Phương pháp xử lý tương ứng với xếp hạng của doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu.

d) Tại điểm đánh dấu số 5 trên Phụ lục 2 (Có loại trừ): Hệ thống hiển thị dấu hoa thị (*) nếu doanh nghiệp thuộc diện được loại trừ, không bị điều chỉnh bởi một số loại tiêu chí nhất định.

đ) Tại điểm đánh dấu số 6 trên Phụ lục 2 (Lưu ý): Nội dung cảnh báo của cán bộ hải quan cập nhật trong quá trình thiết lập xếp hạng doanh nghiệp.

e) Tại điểm đánh dấu số 7 trên Phụ lục 2 (Hồ sơ rủi ro: Là mã của Hồ sơ rủi ro liên quan đến doanh nghiệp XNK, được tạo ra trong quá trình thiết lập tiêu chí quản lý rủi ro, nếu được phân quyền chia sẻ thông tin hồ sơ rủi ro, cán bộ thông quan có thể click chuột phải vào mã hồ sơ rủi ro để chọn xem thông tin chi tiết của hồ sơ rủi ro.

g) Tại điểm đánh dấu số 8 trên Phụ lục 2 (Thông tin chính xác cao): Trong trường hợp nguồn tin để thiết lập tiêu chí phân tích có độ chính xác cao, hệ thống sẽ hiển thị “√” trong ô này để cán bộ kiểm tra trong thông quan biết và kiểm tra thận trọng hơn trong quá trình kiểm tra.

h) Tại điểm đánh dấu số 8 trên Phụ lục 2 (Bộ phận tờ khai): Hệ thống hiển thị cho biết thông tin về chính sách quản lý hoặc thông tin rủi ro nằm ở bộ phận nào trên tờ khai, bao gồm:

- Nếu ký hiệu là “CM”: Thông tin về chính sách quản lý hoặc rủi ro thuộc phần thông tin chung của tờ khai (điểm đánh dấu số 15 trên Phụ lục 2);

- Nếu ký hiệu là các số từ 01 đến 50: Rủi ro hoặc chính sách quản lý liên quan đến các dòng hàng có số thứ tự tương ứng. VD: “5” là dòng hàng thứ 5 của tờ khai.

i) Tại điểm đánh dấu số 10 trên Phụ lục 2 (Mã tiêu chí phân luồng): Là các chỉ dẫn rủi ro liên quan đến chính sách quản lý hoặc lĩnh vực rủi ro. Mỗi dòng hiển thị tương ứng với một tiêu chí quản lý rủi ro.

k) Tại điểm đánh dấu số 11 trên Phụ lục 2 (Phương pháp xử lý): Là phương pháp xử lý tương ứng với mỗi tiêu chí rủi ro (mỗi dòng tương ứng với một tiêu chí quản lý rủi ro).

l) Tại điểm đánh dấu số 12 trên Phụ lục 2 (Cờ báo đã xử lý loại trừ): Hệ thống hiển thị dấu hoa thị (*) tại dòng nào sẽ cho biết tiêu chí tương ứng của dòng đó thuộc diện bị loại trừ, không còn tác dụng tham gia vào phân luồng.

m) Tại điểm đánh dấu số 13 trên Phụ lục 2 (Cần lưu ý): Là nội dung chỉ dẫn rủi ro do công chức thiết lập tiêu chí rủi ro nhập thêm vào hệ thống để cảnh báo cán bộ làm thủ tục hải quan.

n) Tại điểm đánh dấu số 13 trên Phụ lục 2 (Mã thông tin black-list): Là mã của hồ sơ rủi ro liên quan đến hàng hóa tại dòng tương ứng, được tạo ra trong quá trình thiết lập tiêu chí rủi ro. Nếu được phân quyền chia sẻ thông tin hồ sơ rủi ro, cán bộ thông quan có thể click chuột phải vào mã hồ sơ rủi ro để chọn xem thông tin chi tiết của hồ sơ rủi ro.

2. Trường hợp hệ thống phân luồng 3 (luồng đỏ), việc xác định mức độ (tỷ lệ) kiểm tra thực tế hàng hóa được dựa trên thông tin chỉ dẫn tại mục Phương pháp xử lý sau cùng, cụ thể như sau:

a) Phương pháp xử lý sau cùng là M, P, R: việc kiểm tra thực tế hàng hóa theo các tỷ lệ (5%, 10%, 100%) tại cột số 3 Phụ lục 1 (đính kèm);

b) Phương pháp xử lý sau cùng là Q: việc kiểm tra hàng hóa được thực hiện qua máy soi con-ten-nơ;

c) Phương pháp xử lý sau cùng không thuộc các trường hợp tại điểm a, b nêu trên: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan căn cứ vào thực tế lô hàng để quyết định mức độ (tỷ lệ) kiểm tra thực tế hàng hóa và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Tổng cục Hải quan thông báo để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố biết và thực hiện. #

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Tổng cục trưởng (để b/cáo);
- Đ/c Nguyễn Công Bình -PTCT (để b/cáo);
- Lưu: VT, QLRR(2b).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ RỦI RO HQ**



Việt Nam Cộng Hòa



**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Phụ lục 1

PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo công văn số **3518** TCHQ-QLRR ngày **03** tháng **4** năm 2014)

<i>Thứ tự</i>	<i>Phương pháp</i>	<i>Hình thức kiểm tra và đối tượng áp dụng</i>	<i>Phân quyền áp dụng</i>
1	2	3	4
1.	Y	Doanh nghiệp hạng 7 (<365 ngày) và Doanh nghiệp chưa được xếp hạng.	- Tổng cục Hải quan
2.	A	Doanh nghiệp hạng 2 (Hệ thống phân luồng theo xác suất)	- Tổng cục Hải quan
3.	B	Doanh nghiệp hạng 3 (Hệ thống phân luồng theo xác suất)	- Tổng cục Hải quan
4.	C	Doanh nghiệp hạng 4 (Hệ thống phân luồng theo xác suất)	- Tổng cục Hải quan
5.	D	Dự phòng	Không áp dụng
6.	E	Kiểm tra hồ sơ hải quan	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan - Chi cục Hải quan
7.	F	Dự phòng	Không áp dụng
8.	G	Kiểm tra hồ sơ theo dấu hiệu vi phạm: Xem xét chuyển luồng kiểm tra thực tế hàng hóa.	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan - Chi cục Hải quan
9.	H	Doanh nghiệp hạng 5	- Tổng cục Hải quan
10.	J	Doanh nghiệp hạng 6	- Tổng cục Hải quan
11.	K	Dự phòng	Không áp dụng
12.	L	Lấy mẫu kiểm tra, giám định trên cơ sở đánh giá rủi ro	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan - Chi cục Hải quan
13.	M	Kiểm tra thực tế hàng hóa 5%	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan - Chi cục Hải quan
14.	P	Kiểm tra thực tế hàng hóa 10%	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan - Chi cục Hải quan
15.	Q	Kiểm tra qua máy soi container	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan

09482043

			- Chi cục Hải quan
16.	R	Kiểm tra thực tế hàng hóa 100%	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan - Chi cục Hải quan
17.	S	Kiểm tra chất nguy hiểm, độc hại	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan - Chi cục Hải quan
18.	T	Kiểm tra thực tế theo dấu hiệu vi phạm.	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan - Chi cục Hải quan
19.	U	Doanh nghiệp ưu tiên (hạng 1)	Tổng cục Hải quan
20.	V	Kiểm tra trong trường hợp doanh nghiệp ưu tiên có dấu hiệu vi phạm	- Tổng cục Hải quan - Cục Hải quan - Chi cục Hải quan

(Handwritten mark)

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Phụ lục 2

MÀN HÌNH CHỨC NĂNG XỬ LÝ TỜ KHAI (NA02A) TRÊN VCIS

(Khu vực thông tin chỉ dẫn liên quan đến quản lý rủi ro)

(Ban hành kèm theo công văn số 3518/TCHQ-QLRR ngày 03 tháng 4 năm 2014)

VCIS NA02A * Thêm chi tiết Thông tin tờ khai nhập khẩu * Thêm chi tiết Thông tin kiểm tra

Tệp tin Sửa Hết

Hoàn trả điện chỉ dẫn cơ sở tại ban đầu OK CEE/CEA

Kiểm tra số seri Kiểm tra thực tế hàng hóa

Tên người phụ trách

Phân loại Kiểm tra số seri: Hết Tự lệ hàng hóa

Chỉ thị ảnh đảo

Ý kiến công chức xử lý

Phân loại cảnh báo alert

Tạm dừng CEA/CEE Hủy tạm dừng CEA/CEE

Phân loại hoàn thành

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai: 7001

Mã phân loại hàng hóa

Mã phân loại kiểm tra: 5

Mã bộ phận xử lý tờ khai: 00

Mã số hàng hóa: 15

Mã loại hình: Phân loại cá nhân/tổ chức

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai: Trụ sở Đăng ký

Tên cơ quan hàng hải nhận tờ khai

General General2 Detail Chi tiết của Hải quan

1 Phương pháp xử lý sau cuộc S

2 Phân luồng: CEA CEE

3 Xếp hạng người XK/IK

4 Mã cảnh báo/alert

5 Có loại trừ

6 Lưu ý

7 Mã số rủi ro

8 Trình chỉnh sửa

Bộ phận tờ khai

Mã tiêu chỉ phân luồng

Rủi ro về xuất xứ NH

Phương pháp xử lý

Cơ báo cáo xử lý loại trừ

Cần xử lý

Mã thông tin báo

01 9

01

01

11

12

13 Theo CV 1493/BTC-TCHQ

14

10

Kiểm tra theo văn bản chỉ đạo

Rủi ro về chính sách quản lý

RR về chất lượng-VSAT/TP-kiểm

HH có khả năng gây ô nhiễm môi trường

Hướng dẫn nhập liệu

Thông điệp nghiệp vụ

Mã Nội dung

Kết quả xử lý

09482043

Handwritten mark